

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 887/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 23 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước
số 28/2023/QH15 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 23/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 02/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 152/TTr-STNMT ngày 15/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đình Quang Tuyên

KẾ HOẠCH

Triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 887/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được Quốc hội Khóa XV, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Để triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Tài nguyên nước đến toàn thể cán bộ, công chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn tỉnh kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả.

b) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã và người dân; xác định rõ nội dung công việc, trách nhiệm của cơ quan chủ trì, các cơ quan phối hợp, thời hạn hoàn thành việc tổ chức thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2023.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm sự thống nhất Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 từ Trung ương đến địa phương.

b) Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước.

c) Nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm, vai trò của cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì trong việc phối hợp các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước.

d) Xác định lộ trình cụ thể để bảo đảm từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước được thực hiện thống nhất, đồng bộ trên phạm vi cả nước.

e) Kịp thời kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ, giải quyết vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo tiến độ, hiệu quả của việc triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước.

II. NỘI DUNG

1. Quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật

a) Tổ chức hội nghị quán triệt, phổ biến Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật tại các địa phương.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2025 (sau khi hội nghị quán triệt, phổ biến Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật ở Trung ương được Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức).

b) Tổ chức tuyên truyền Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Cơ quan thực hiện: Báo Bắc Kạn, Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, các cơ quan thông tấn, báo chí chủ trì tuyên truyền Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

c) Tổ chức tập huấn chuyên sâu về Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tập huấn chuyên sâu về Luật và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật cho cán bộ, công chức của các sở, ngành cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024 và các năm tiếp theo trên cơ sở tài liệu tại các cuộc tập huấn chuyên sâu do Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức.

2. Tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.
- Thời gian và nội dung thực hiện: Trước ngày 31/12/2024 gửi danh mục các văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, theo dõi, đôn đốc và phối hợp thực hiện theo quy định.

3. Tham gia ý kiến trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước

Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Y tế, Giao thông vận tải, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư,... theo chức năng nhiệm vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương chủ trì tham gia ý kiến trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước đảm bảo chất lượng, tiến độ theo quy định.

4. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao trong Luật

4.1. Về Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường làm đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (theo Điều 7 Luật Tài nguyên nước); Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng đề án thu thập, cập nhật, chuẩn hóa nội dung thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh để cung cấp, cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

4.2. Về điều tra cơ bản tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý (theo Điều 10 Luật Tài nguyên nước và phù hợp với quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước).

4.3. Về quy hoạch về tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường làm đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (theo Điều 17 Luật Tài nguyên nước); phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan xây dựng phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh.

4.4. Về bảo vệ tài nguyên nước và phục hồi nguồn nước

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện phân vùng chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh, rà soát chức năng nguồn nước mặt trong quy hoạch tỉnh đối với nguồn nước mặt nội tỉnh.

b) Định kỳ hằng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm rà soát, đánh giá tình hình thực hiện việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp cần điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đã được phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, đánh giá, lấy ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan và tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức rà soát vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh (Danh mục dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 26/12/2023); phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu đập, hồ chứa thuộc thẩm quyền đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước, báo cáo tình hình thực hiện.

e) Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất; tổ chức rà soát, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất (đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 28/6/2022); quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi căn cứ kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

g) Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt

Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xác định và tổ chức việc công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên cơ sở đề xuất của tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước cho sinh hoạt theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; chủ trì kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện quan trắc của các tổ chức, cá nhân khai thác nước; phối hợp với các Sở Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Thông tin và Truyền thông công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn.

4.5. Về điều hòa, phân phối và khai thác, sử dụng tài nguyên nước

Sở Tài nguyên và Môi trường làm đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng và công bố kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông liên tỉnh phải lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh (theo Điều 35 Luật Tài nguyên nước); chủ trì việc lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước.

Các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và các tổ chức quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước theo phạm vi quản lý, xây dựng kế hoạch khai thác tài nguyên nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố, các huyện, xã tổ chức kê khai, đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; giám sát hoạt động khai thác tài nguyên nước đối với các công trình thuộc thẩm quyền cấp phép theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

Về tổ chức thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và các tổ chức quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước rà soát, điều chỉnh các quy trình vận hành hồ chứa, công trình, hệ thống công trình thủy lợi bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, chống thất thoát, lãng phí nước và bảo đảm lưu thông của dòng chảy trong hệ thống công trình, không gây ứ đọng, ô nhiễm nguồn nước.

Đối với các hồ chứa không nằm trong danh mục các đập, hồ chứa phải lập quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông quy định tại điểm a khoản 7 Điều 38 Luật Tài nguyên nước, căn cứ yêu cầu bảo đảm an toàn đập, hồ chứa, dòng chảy tối thiểu và yêu cầu phòng, chống lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước, cấp nước ở hạ du, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành và lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi phê duyệt.

Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sử dụng các nguồn nước mặt, nước dưới đất và các công trình cấp nước dự phòng hiện có trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý để chủ động ứng phó với tình trạng thiếu nước bảo đảm nước cấp cho sinh hoạt và các nhu cầu sử dụng nước thiết yếu khác; các sở, ban, ngành và địa phương liên quan có trách nhiệm huy động mọi nguồn lực để thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng thiếu nước trên địa bàn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì chỉ đạo tổ chức việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước, kích bản nguồn nước, phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước quy định tại Điều 35 và Điều 36 của Luật Tài nguyên nước; áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm, hiệu quả.

Căn cứ tình hình thực tế từng thời kỳ, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước khi thực hiện; kiểm tra, giám sát trong quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức; có ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm công trình bổ sung nhân tạo của các tổ chức, cá nhân.

4.6. Về phòng, chống, khắc phục tác hại do nước gây ra

a) Phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì lập, rà soát, điều chỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp (Danh mục hồ, ao không được san lấp trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 10/12/2020) theo quy định tại khoản 6 Điều 63 Luật Tài nguyên nước và phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, báo cáo tình hình thực hiện.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, xem xét, quyết định việc chuyển đổi mục đích sử dụng đối với các moong khai thác khoáng sản, đất, vật liệu xây dựng sau khi dùng khai thác tạo hành hồ để điều hòa, tích trữ, cấp nước, tạo cảnh quan khi đáp ứng đủ các điều kiện của các quy định (căn cứ khoản 5 Điều 27 Luật Tài nguyên nước).

b) Bảo vệ, phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hồ

Các sở, ban, ngành và địa phương tăng cường kiểm soát các hoạt động có nguy cơ gây mất ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ bao gồm cải tạo lòng, bờ, bãi sông, hồ, xây dựng công trình thủy, khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông, hồ và hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Tài nguyên nước.

c) Phòng, chống sụt, lún đất

Ở những khu vực bị sụt, lún đất hoặc có nguy cơ bị sụt, lún đất do hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất gây ra thì Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tổ chức khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan kiểm soát hoạt động của các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Tài nguyên nước bảo đảm không gây sụt, lún đất.

4.7. Căn cứ quy định của Luật Tài nguyên nước, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Các sở, ban, ngành của tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước được giao tại khoản 1 Điều 80 Luật Tài nguyên nước, các nhiệm vụ sau đây và các nhiệm vụ khác giao trong Luật. Cụ thể:

(có phụ lục Danh mục các nhiệm vụ kèm theo)

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo quy định tại khoản 2 Điều 80 và các nội dung giao trong Luật:

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm, công trình quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này.

- Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

- Phổ biến, tuyên truyền về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

- Tiếp nhận, quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo phân công; tổ chức đăng ký hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, theo thẩm quyền.

- Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn (quy định tại điểm d khoản 6 Điều 23).

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại địa phương (quy định tại khoản 3 Điều 26).

- Các nhiệm vụ khác được giao trong Luật.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo quy định tại khoản 3 Điều 80 và các nội dung giao trong Luật

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm, công trình quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này.

- Phổ biến, tuyên truyền về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn.

- Tiếp nhận, quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo phân công; giám sát các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo quy định.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện việc khai thác nước dưới đất của hộ gia đình để sử dụng cho sinh hoạt.

- Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp trên.

- Quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn (quy định tại điểm d khoản 6 Điều 23).

- Tiếp nhận kê khai việc khai thác nước dưới đất của hộ gia đình để sử dụng cho sinh hoạt (quy định tại khoản 4 Điều 53).

- Các nhiệm vụ khác được giao trong Luật.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn chịu trách nhiệm thực hiện Kế hoạch này, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh hình thức, lãng phí.

2. Trước ngày 01 tháng 7 năm 2024, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ vào Kế hoạch này và tình hình thực tiễn, xây dựng kế hoạch triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước trên địa bàn quản lý và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để theo dõi.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch này để kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo quy định.

4. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí trong dự toán ngân sách được giao hằng năm theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh hợp pháp theo quy định của pháp luật trình cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này.

5. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để được giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ

*(Kèm theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn triển khai thi hành
Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn)*

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước theo thẩm quyền (tham mưu sửa đổi, thay thế Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Quý II/2025
2	Thu thập, cập nhật, chuẩn hóa thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý để cung cấp, cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (khoản 7 Điều 7)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2025 - 2026 thu thập, chuẩn hóa. Thường xuyên cập nhật
3	Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn (điểm d khoản 1 và khoản 4 Điều 10)	Sở Tài nguyên và Môi trường		
	- Xây dựng và duy trì mạng quan trắc tài nguyên nước, giám sát, cảnh báo, dự báo nguồn nước; xây dựng, vận hành hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định (điểm d khoản 3 Điều 9) - Xây dựng hệ thống giám sát dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh phục vụ giám sát, cảnh báo nguồn nước	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2025 - 2028

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	<p>- Xây dựng báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh (điểm e khoản 3 Điều 9)</p> <p>- Phối hợp khi Bộ Tài nguyên và Môi trường yêu cầu: Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản; xây dựng, tổ chức thực hiện phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước (theo khoản 5 Điều 35)</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Hằng năm
	<p>- Kiểm kê tài nguyên nước (điểm b khoản 3 Điều 9)</p> <p>- Đo đạc mặt cắt sông, suối; đánh giá diễn biến sạt lở lòng, bờ, bãi sông; điều tra, khảo sát phục vụ lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, lập hành lang bảo vệ nguồn nước (điểm đ khoản 3 Điều 9)</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Định kỳ 05 năm (năm 2024 thực hiện kiểm kê nguồn nước lần đầu)
4	Xây dựng phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh (điểm b khoản 1 Điều 80)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan	Khi thực hiện lập, điều chỉnh quy hoạch tỉnh
5	Xác định, công bố chức năng đối với nguồn nước mặt nội tỉnh (khoản 5 Điều 22)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan	Khi thực hiện lập, điều chỉnh quy hoạch tỉnh
6	Tổ chức lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước (khoản 3 Điều 23)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan	Hằng năm tiến hành ra soát điều chỉnh

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
7	Xác định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các trường hợp không có tổ chức được giao quản lý, vận hành (điểm b, khoản 6 Điều 23)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan	Thường xuyên
8	Giao mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý, bảo vệ (điểm d khoản 6 Điều 23)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan	Thường xuyên (khi thực hiện xong việc cắm mốc)
9	Xác định, điều chỉnh vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh; công bố dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh; phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu đập, hồ chứa xây dựng trên các sông, suối quy định (khoản 7 Điều 24)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Ủy ban nhân dân cấp xã các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan	Thường xuyên và khi thực hiện lập, điều chỉnh quy hoạch tỉnh
10	Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định (khoản 2 Điều 26)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức, cá nhân có liên quan	Thường xuyên
11	Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn theo quy định (khoản 3 Điều 26)	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan	Thường xuyên
12	Rà soát, xem xét, quyết định việc chuyển đổi mục đích sử dụng đối với các moong khai thác khoáng sản, đất, vật liệu xây dựng sau khi dừng khai thác tạo hành hồ để điều hòa, tích trữ, cấp nước, tạo cảnh quan khi đáp ứng đủ các điều kiện của các quy định (căn cứ khoản 5 Điều 27 Luật Tài nguyên nước)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan	Thường xuyên

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
13	Tổ chức rà soát, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất (đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 28/6/2022); quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi (căn cứ khoản 4 Điều 31 Luật Tài nguyên nước)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan	Năm 2027 hoặc trong trường hợp cần thiết
14	Ban hành kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, rà soát và định kỳ điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất (khoản 7 Điều 31 Luật Tài nguyên nước)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan	- Điều tra bổ sung, lập kế hoạch trước ngày 01/7/2027 - Định kỳ 05 năm rà soát, điều chỉnh
15	Tham mưu việc ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước (căn cứ điểm a, khoản 6 Điều 34 Luật Tài nguyên nước)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan	Khi xảy ra trường hợp sự cố ô nhiễm nguồn nước
16	Tham mưu việc lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước (khoản 6 Điều 35 Luật Tài nguyên nước)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan	Hằng năm

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
17	Thực hiện thẩm định, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa nước thủy điện trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền (điểm b khoản 8 và khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước)	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan	Thường xuyên
18	Tổ chức thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước (khoản 4 Điều 43)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan	Khi xảy ra trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước
19	Tham mưu chỉ đạo tổ chức việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước, kích bản nguồn nước, phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước (điểm b khoản 2 Điều 44)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Thường xuyên
20	Tổ chức xây dựng, vận hành mạng quan trắc tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh (điểm b khoản 1 Điều 51)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Thường xuyên
21	Tổ chức cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất; tổ chức đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt (khoản 2 Điều 53)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Thường xuyên
22	Tổ chức đăng ký khai thác nước dưới đất (khoản 3 Điều 53)	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Các đơn vị có liên quan	Thường xuyên
23	Tiếp nhận kê khai việc khai thác nước dưới đất của hộ gia đình để sử dụng cho sinh hoạt (khoản 4 Điều 53)	Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn	Các đơn vị có liên quan	Thường xuyên

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
24	Tổ chức áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy định về sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương (khoản 3 Điều 58)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Thường xuyên
25	Xây dựng kế hoạch, lộ trình quy định các loại dự án phải có phương án sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước đối với các dự án tại các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước và xác định các ưu đãi mà dự án đó được hưởng (khoản 4 Điều 59)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Khi có khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước
26	Rà soát điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đối với hồ, ao, đầm, phá thuộc nguồn nước mặt nội tỉnh (khoản 6 Điều 63)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Hằng năm
27	Rà soát ban hành, điều chỉnh danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh (điểm đ khoản 1 Điều 80)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Thường xuyên
28	Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm, công trình quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này (điểm a khoản 2 Điều 80)	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan có liên quan	Hằng năm
29	Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra (điểm b khoản 2 Điều 80)	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan có liên quan	Hằng năm

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
30	Phổ biến, tuyên truyền về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn (điểm c khoản 2 Điều 80)	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan có liên quan	Hằng năm
31	Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân quản lý vận hành công trình thủy lợi đã xây dựng và khai thác trước ngày 01 tháng 01 năm 2013 thuộc phạm vi quản lý mà chưa được đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải hoàn thành thủ tục đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước chậm nhất là ngày 30 tháng 6 năm 2027 (khoản 6 Điều 86)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Hoàn thành trước ngày 01/7/2027
32	Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao trong Luật	Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Các sở, ngành và các cơ quan liên quan	Năm 2024 và các năm tiếp theo